

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quyết toán diện tích, kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 07/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Phê duyệt kế hoạch diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 287/TTr-STC ngày 30/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán diện tích, kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh năm 2020, như sau:

1. Diện tích, kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh:

a) Diện tích đất sản xuất nông nghiệp thực tế tưới, tiêu được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi là: 84.368,88 ha; gồm:

- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam: 49.294,89 ha
- UBND huyện, thị xã, thành phố: 35.073,99 ha

b) Kinh phí phải hỗ trợ: 86.836 triệu đồng

- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam: 46.336 triệu đồng;
- UBND huyện, thị xã, thành phố : 40.500 triệu đồng

b) Kinh phí hỗ trợ đã cấp cho các địa phương, đơn vị: 87.138 triệu đồng, gồm:

- Cấp bằng lệnh chi tiền cho Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam: 46.336 triệu đồng

- Phân bổ dự toán chi ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2020 tại Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 07/12/2019 của UBND tỉnh: 40.802 triệu đồng

3. Chênh lệch thừa, thiếu so với đã cấp phát và phân bổ: thừa 302 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ thừa: 792 triệu đồng

- Phân bổ thiếu: 490 triệu đồng

* Xử lý kinh phí cấp thừa, thiếu:

- Cấp bổ sung cho các địa phương, số tiền 490.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*), từ nguồn sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

- Thu hồi các địa phương nộp trả ngân sách tỉnh bổ sung, số tiền: 792.000.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi hai triệu đồng*). Riêng, huyện Quế Sơn đã nộp trả ngân sách tỉnh, số tiền: 36 triệu đồng.

(Chi tiết diện tích, kinh phí, cấp bổ sung, nộp trả ngân sách tỉnh theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí đúng quy định. Đối với các địa phương được phân bổ kinh phí thừa thì phải lập hồ sơ, thủ tục nộp trả ngân sách tỉnh.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; đồng thời, phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện kiểm soát chi và thanh, quyết toán theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, TH, KTN, KTTH.


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	 Danh mục	Quyết toán diện tích, kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi		Kinh phí đã cấp phát, phân bổ dự toán năm 2020 (triệu đồng)	Kinh phí thừa (+); thiếu (-)	Xử lý kinh phí thừa (+), thiếu (-)		Ghi chú
		Diện tích (ha)	Kinh phí (triệu đồng)			Nộp trả ngân sách tỉnh	Cấp bổ sung	
	Tổng cộng	84.368,88	86.836	87.138	302	792	490	
I	Cty TNHH MTV khai thác thủy lợi	49.294,89	46.336	46.336	0	0	0	
II	Huyện, thành phố	35.073,99	40.500	40.802	302	792	490	
1	Phước Sơn	522,60	662	662	0	0	0	
2	Hiệp Đức	948,50	1.195	1.176	(19)		19	
3	Nông Sơn	1.125,10	1.471	1.482	11	11		
4	Bắc Trà My	1.481,40	1.874	1.787	(87)		87	
5	Tiên Phước	1.518,40	2.016	1.960	(56)		56	
6	Nam Trà My	400,00	507	507	0	0	0	
7	Đông Giang	1.081,97	1.243	1.243	0	0	0	
8	Tây Giang	562,40	713	713	0	0	0	
9	Nam Giang	593,00	751	751	0	0	0	
10	Điện Bàn	5.978,04	7.730	7.942	212	212		
11	Đại Lộc	5.188,65	6.682	6.744	62	62		
12	Hội An	215,40	185	312	127	127		
13	Duy Xuyên	3.908,28	4.551	4.895	344	344		
14	Núi Thành	1.973,06	1.873	1.791	(82)		82	
15	Phú Ninh	1.356,56	1.267	1.100	(167)		167	
16	Quế Sơn	2.647,78	2.876	2.912	36	36		Quế Sơn đã nộp trả dự toán
17	Thăng Bình	4.189,80	3.472	3.470	(2)		2	
18	Tam Kỳ	1.383,05	1.432	1.355	(77)		77	